

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày 18/11/2020
V/v Tranh chấp về không công
nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Hồng;

2. Bà Dương Thị Hữu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 Tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâu Thị Kh; Sinh năm 1972. Nơi ĐKKHKT: Bản KB, xã PN, huyện TG, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản HX, xã TT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch cho nguyên đơn: Anh Thào A Th, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khối TG, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Mùa Gà S (tên gọi khác: Mùa Gà D); Sinh năm 1972; Trú tại: Bản KB, xã PN, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, lời khai trong biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lâu Thị Kh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kh và anh S tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay đã được 32 năm, không bị gia đình hai bên ép buộc. Chị Kh và anh S lấy nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, từ khi lấy nhau thì sống hạnh phúc được khoảng 26, 27 năm. Sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, hai vợ chồng không có cùng quan điểm sống với nhau, hay đánh nhau, cãi nhau, căng thẳng nhất từ thời điểm cuối năm 2018 trở lại đây anh S tối nào cũng uống rượu say rồi về chửi chị Kh, nhiều lần còn đánh chị Kh, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Chị Kh đã bỏ về nhà bố mẹ ở từ giữa tháng 8/2020. Chị Kh và anh S đã sống ly thân với nhau được 03 tháng, trong thời gian sống ly thân thì không còn quan tâm gì đến nhau. Chị Kh xác định không còn tình cảm với anh S nữa, vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh S.

Về con chung: Chị Kh và anh S có 02 người con chung là cháu Mùa A S1, sinh ngày 07/06/1991 và cháu Mùa Thị H, sinh ngày 05/7/1994. Hiện tại cả hai cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Kh khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Mùa Gà S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Kh lấy nhau không đăng ký kết hôn, sống với nhau từ năm 1988 đến nay được 32 năm. Khi lấy nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, quá trình chung sống do anh S hay đi chăn bò, chăn trâu xa nhà một tháng mới về nhà một lần nên chị Kh mới thay đổi tình cảm, sau này hai vợ chồng thì thoảng có nảy sinh mâu thuẫn hay cãi nhau, nhưng anh S khẳng định không đánh đập vợ con bao giờ. Anh S và chị Kh đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay, khi sống ly thân anh S vẫn quan tâm đến vợ và có động viên chị Kh quay về đoàn tụ nhưng chị Kh không đồng ý. Đến nay anh S vẫn còn tình cảm với chị Kh nên không đồng ý chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này, nếu chị Kh vẫn không quay về đoàn tụ với anh thì anh S cũng chấp nhận nhưng anh S mong được ăn Tết xong mới giải quyết.

Về con chung: Anh S và chị Kh có 02 người con chung là cháu Mùa A S1, sinh ngày 07/06/1991 và cháu Mùa Thị H, sinh ngày 05/7/1994. Hiện tại cả hai cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Anh S khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/10/2020 Toà án tiến hành xác minh thông tin của ông Mùa A S1 - Trưởng bản KB (anh S1 là con đẻ anh S và chị Kh) và bà Vàng Thị Nh - Chi hội trưởng hội phụ nữ bản KB, ông S1 và bà Nh cho biết: Chị Kh và anh S chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn đến nay đã được 32 năm. Trước đây chị Kh với anh S chịu khó làm ăn, quan tâm chăm sóc các con, ít khi xảy ra xô xát mâu

thuần. Nhưng khoảng 05 năm trở lại đây giữa chị Kh và anh S bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, khoảng 03 năm trở lại đây mâu thuẫn trở lên trầm trọng, từ tháng 8/2020 chị Kh đã về nhà ngoại ở tại bản HX, xã TT. Từ đó chị Kh với anh S sống ly thân cho đến nay. Anh S và chị Kh có 02 người con chung là cháu Mùa A S1, sinh ngày 07/06/1991 và cháu Mùa Thị H, sinh ngày 05/7/1994, hiện tại cả hai con chung đều đã trưởng thành. Ông súa cho biết gia đình chị Kh và anh S không có nợ chung, tài sản thì chị Kh và anh S tự thỏa thuận nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh S và chị Kh đều có mặt để tham gia phiên họp và hòa giải. Tại phiên hòa giải chị Kh vẫn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh S. Tuy nhiên anh S vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với chị Kh vì vẫn còn tình cảm với chị Kh. Do chị Kh và anh S sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn nên Tòa án phải tiến hành xét xử để không công nhận quan hệ hôn nhân của chị Kh và anh S.

Ngày 30/10/2020, Tòa án nhân dân huyện TG quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh S và chị Kh đều có mặt.

Tại phiên tòa chị Kh vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện và không có ý kiến bổ sung. Anh S vẫn giữ nguyên quan điểm như lời khai trong biên bản lấy lời khai và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; *Về con chung:* Có 02 người con chung là cháu Mùa A S1, sinh ngày 07/06/1991 và cháu Mùa Thị H, sinh ngày 05/7/1994 nhưng đều đã trưởng thành nên chị Kh và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:* Chị Kh, anh S đều tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí:* Chị Kh không có đơn đề nghị miễn án phí DSST, nên chị Kh phải chịu 300.000đ án phí DSST theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lâu Thị Kh, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án: “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh S có hộ khẩu thường trú tại xã PN huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Kh và anh S lấy nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1988 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kh và anh S lấy nhau năm 1988 chỉ cưới theo phong tục không đăng ký kết hôn. Chị Kh và anh S đều thừa nhận hai bên chung sống tự nguyện, không ai bị ép buộc. Tại giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 24/UBND-XNTTHN ngày 24/9/2020 của UBND xã Pú Nhung đã xác nhận chị Kh và anh S chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó chị Kh có đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh S là có cơ sở.

Chị Kh khai nhận từ khi lấy anh S về thì sống hạnh phúc được khoảng 26, 27 năm. Sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, quan điểm sống bất đồng, hay đánh nhau, cãi nhau, từ cuối năm 2018 trở lại đây anh S tôi nào cũng uống rượu say rồi về chửi chị Kh, nhiều lần còn đánh chị Kh, hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị Kh đã bỏ về nhà bố mẹ ở từ giữa tháng 8/2020 và ly thân với anh S từ thời điểm đó đến nay, trong thời gian sống ly thân thì không còn quan tâm gì đến nhau vì chị Kh xác định không còn tình cảm gì với anh S. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 27/10/2020, chính quyền địa phương cũng thừa nhận khoảng 05 năm trở lại đây giữa chị Kh và anh S bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, khoảng 03 năm trở lại đây mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị Kh đã chuyển về nhà ngoại ở bản HX, xã TT từ tháng 8/2020 và sống ly thân cho đến nay. Anh S không đồng ý chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với chị Kh vì vẫn còn tình cảm với chị Kh, anh S khai vì trong quá trình chung sống do anh S hay xa nhà nên chị Kh mới thay đổi tình cảm, thi thoảng có nảy sinh mâu thuẫn hay cãi nhau, nhưng anh S khẳng định không đánh đập vợ con bao giờ, anh vẫn quan tâm đến vợ và động viên chị Kh quay về đoàn tụ nhưng chị Kh không đồng ý, ngoài lời khai của anh S thì trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh S cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại tình cảm với chị Kh. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải chị Kh vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Kh với anh S sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, đời sống chung không thể tiếp tục vì trong thời gian ly thân và trong thời gian tòa án thụ lý giải quyết giữa chị

Kh với anh S không còn quan tâm gì đến nhau, chị Kh xác định không còn tình cảm với anh S, không muốn tiếp tục sống chung với anh S, bản thân anh S cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng với chị Kh, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kh. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Kh và anh S là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Chị Kh và anh S khai có 02 người con chung là cháu Mùa A S1, sinh ngày 07/06/1991 và cháu Mùa Thị H, sinh ngày 05/7/1994. Hiện tại cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Lầu Thị Kh và anh Mùa Gà S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Kh là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản KB, xã PN huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí DSST, tuy nhiên chị Kh không có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, chị Kh phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/05688 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên.

[8]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lầu Thị Kh

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lầu Thị Kh và anh Mùa Gà S (Mùa Gà D) là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Kh và anh S khai có 02 người con chung là cháu Mùa A S1, sinh ngày 07/06/1991 và cháu Mùa Thị H, sinh ngày 05/7/1994. Hiện tại cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Kh và anh S tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lâu Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/05688 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG. Chị Kh đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lâu Thị Kh và anh Mùa Gà S (Mùa Gà D) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã PN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

